TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày: 28/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thuận Hóa và ông A Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Chí Dũng;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 30/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/HSST - QĐ ngày 13/12 2021; đối với bị cáo:

Lê Văn T; Sinh ngày 10/10/1974 tại Quảng Bình; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Lê Văn P và bà Phan Thị V; có vợ là Nguyễn Thị D và có 2 con, đều đã trưởng thành và tự lập; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam - Có mặt.

Lê Văn H, Sinh ngày 10/9/1998 tại Quảng Bình; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị D; có vợ Y N và có 2 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam - Có mặt.

A K, Sinh ngày 08/3/1997 tại Kon Tum; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Xê Đăng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông A H và bà Y H; có vợ là Y G và có 2 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - Có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự**: Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đ, người đại diện

theo pháp luật ông: Nguyễn Thành Chung - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ Văn C - Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Đ - Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Y B, địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Y N, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

**** Người làm chứng:***

- Anh A Đ; A Thông; A L; chị Y T; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Anh A S; Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có mặt..

- Anh A G; Địa chỉ: Thôn Đăk Ring, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Anh Trần Minh T; Địa chỉ: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

- Anh Phan Trọng V; Địa chỉ: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Xuân Đ; Địa chỉ: Thôn 2, xã Tân Cảnh, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian từ ngày 10/5 đến ngày 22/5/2021 Lê Văn T, Lê Văn H cùng với A K rủ nhau đi lên rừng để khai thác gỗ trái phép. Khi đi đến lô 2, khoảnh 6, tiểu khu 214 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. T, H, A K đã dùng cưa máy cắt hạ 01 cây gỗ có tổng khối lượng 15,852m3 với mục đích đem về cất dấu khi có người mua sẽ bán lấy tiền chia nhau. Sau khi cưa hạ cây, các bị cáo đã xẻ thành nhiều hộp gỗ và dùng trâu kéo 06 hộp gỗ ra bìa rừng bốc lên xe ô tô để vận chuyển về nhà cất dấu thì bị phát hiện bắt giữ.

Kết luận giám định tư pháp ngày 03/8/2021 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu gỗ giám định được xác định là loại gỗ Giổi, phân hạng nhóm gỗ nhóm III. Không thể giám định giá trị thiệt hại về môi trường rừng.

Biên bản định giá tài sản số 02/BB-ĐG ngày 24/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định 06 hộp gỗ xẻ loại Giổi khối lượng 1,728m3, quy tròn là 2,764m3 có giá trị 49.766.400đ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng)

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ ngày 09/6/2021 xác định tổng giá trị 11 hộp gỗ xẻ loại Giổi và 05 lóng gỗ tròn chủng loại Giổi có tổng khối lượng gỗ quy tròn là 13,088m3 có giá trị : 229.295.837 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Tổng trị giá 15,852m3 gỗ quy tròn, chủng loại gỗ Giổi, phân hạng nhóm gỗ thuộc nhóm III có tổng giá trị là: 279.062.237đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba bảy đồng).

Cáo trạng số 07/CT - VKS ngày 30/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H, A K về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 1 điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b khoản 1 điều 232; điều 17; điều 38 các điểm i, b, s Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 18 đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 15 đến 18 tháng tù; áp dụng: Điểm b khoản 1 điều 232; điều 17; điều 65 các điểm i, b, s, t xử phạt bị cáo A K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng. Tịch thu xung quỹ nhà nước vật chứng của vụ án và buộc các bị cáo nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/5 đến ngày 22/5/2021 tại lô 2, khoảnh 6, tiểu khu 214 lâm phần do Công ty TNHH

MTV Lâm nghiệp Đ quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum đã bị Lê Văn T, Lê Văn H và A K dùng cưa máy cắt hạ 01 cây gỗ có tổng khối lượng 15,852m3. Kết luận giám định tư pháp ngày 03/8/2021 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận: Mẫu gỗ giám định được xác định là loại gỗ Giổi, phân hạng nhóm gỗ nhóm III. Không thể giám định giá trị thiệt hại về môi trường rừng. Tổng trị giá 15,852m3 gỗ quy tròn, chủng loại gỗ Giổi, phân hạng gỗ thuộc nhóm III có giá trị là: 279.062.237đ (Hai trăm bảy mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba bảy đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, của những người làm chứng và phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

[3] Quá trình chuẩn bị phạm tội giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc cũng như thỏa thuận về mức độ ăn chia. Vì vậy, vụ án chỉ có tính chất đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức. Việc các bị cáo cưa hạ cây rừng tự nhiên, chức năng sản xuất với khối lượng gỗ 15,852m3 gỗ (quy tròn), chủng loại gỗ Giổi, phân hạng gỗ thuộc nhóm III, đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 1 điều 232 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm chung đối với hậu quả thiệt hại mà hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra với tổng số gỗ là: 15,852m3 gỗ chủng loại gỗ Giổi, phân hạng gỗ thuộc nhóm III, có giá trị 279.062.237đ. Tuy nhiên, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội từng bị cáo đã gây ra. Lê Văn T là người đã khởi xướng, rủ rê Lê Văn H và A K cùng tham gia phạm tội. T đã chủ động, tích cực chuẩn bị công cụ phương tiện gồm cưa máy, bạt, chăn màn và là người trực tiếp cưa hạ, xẻ cây. Vì vậy, Lê Văn T phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Lê Văn H, A K.

Lê Văn H là người khi được Lê Văn T rủ rê đã đồng thuận và tham gia rất tích cực với Lê Văn T trong việc vào rừng khai thác gỗ trái phép. Lê Văn H đã tự nguyện đưa 5.000.000đ cho nhóm người ở thôn Đ để được vận chuyển gỗ qua làng; đã trực tiếp dùng xe ô tô thuộc quyền sở hữu của mình để chở gỗ. Vì vậy, Lê Văn H chịu mức án thấp hơn Lê Văn T nhưng cao hơn A K là phù hợp.

A K là người đã bị Lê Văn T rủ rê tham gia khai thác gỗ trái phép; A K chỉ tham gia dựng lán, nấu cơm, dọn đường không trực tiếp cưa hạ, xẻ cây. Bị cáo có

nhân thân tốt, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên khi được T rủ rê thì tham gia. Quá trình điều tra đã tích cực phối hợp, giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc đấu tranh khai thác tội phạm. Vì vậy, được áp dụng mức hình phạt thấp hơn so với T và H.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu và bị xét xử về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại điểm b khoản 1 điều 232 có khung hình phạt đến 03 năm tù. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo đã trực tiếp chặt hạ cây gỗ có tổng khối lượng 15,852m3 gỗ chủng loại gỗ Giổi, phân hạng gỗ thuộc nhóm III, có giá trị 279.062.237đ thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Đã xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước; ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản; gây thiệt hại nghiêm trọng đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái; ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo A K, Lê Văn H đã thành khẩn khai nhận tội. Bị cáo Lê Văn T ban đầu có sự quanh co, chối tội gây khó khăn cho quá trình điều tra nhưng sau đó đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo A K, quá trình điều tra đã phối hợp tốt, tích cực hợp tác, giúp đỡ cơ quan điều tra để điều tra tội phạm. Vì vậy, bị cáo A K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo A K có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn có thể giáo dục, cải tạo bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo Lê Văn T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Lê Văn H, A K mỗi bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, cây gỗ bị cưa hạ đã được thu hồi. Kết luận giám định cũng không xác định được thiệt hại về môi trường rừng . Vì vậy các bị cáo không được hưởng tình tiết bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Số tiền nêu trên được trả lại cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo nghề nghiệp

chính là làm nông, thu nhập không ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 4 điều 232 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các thiệt hại khác do hành vi khai thác gỗ của các bị cáo gây ra nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, áp dụng điều 30 Bộ luật hình sự tách vấn đề dân sự để giải quyết bằng vụ án khác khi nguyên đơn dân sự có yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Toàn bộ số gỗ là tang vật của vụ án; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Việt Trung biển kiểm soát 92C-057.37 là xe ô tô của Lê Văn H dùng để vận chuyển gỗ sau khi khai thác trái phép.

Tịch thu tiêu hủy: 01 xe gắn máy độ chế, không xác định được chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, xe không được đăng ký lưu hành. 01 máy tời loại độ chế; 01 cưa máy cưa hiệu THILS không có lưỡi cưa không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo A K là người dân tộc thiểu số, hiện đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A K.

[8] Về các vấn đề khác của vụ án:

Đối với anh A Sẹo là người đã được bị cáo Lê Văn H thuê phụ giúp kéo 06 hộp gỗ xẻ khối lượng 1,728m3, quy tròn: 2,764m3 ra khỏi rừng, bốc lên xe để nhận tiền công 100.000đ. Tại thời điểm A Sẹo tham gia bốc gỗ thì hành vi khai thác trái phép của các bị cáo T, H, A K đã hoàn thành. Số gỗ A Sẹo tham gia bốc cùng với T, H và A K là 2,764m3 gỗ chủng loại Giổi, phân hạng gỗ nhóm III. Vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với A Sẹo với vai trò đồng phạm trong vụ án cũng như không đủ điều kiện để xử lý trách nhiệm hình sự đối với A Sẹo về hành vi vận chuyển trái phép.

Bà Y Bra đã cho Lê Văn T mượn trâu để đi làm rẫy. Tuy nhiên, khi cho T mượn trâu bà Y Bra hoàn toàn không biết việc T mượn trâu để kéo gỗ trái phép. Vì vậy không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm đối với bà Y Bra.

Chị Y N là vợ của Lê Văn H, xe ô tô Lê Văn H dùng để chở gỗ sau khi khai thác trái phép là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, chị Y N đồng ý để cơ quan có thẩm quyền tịch thu xung quỹ nhà nước đối với xe ô tô và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi cắt hạ xong cây gỗ Lê Văn H, Lê Văn T đã tự nguyện đưa cho nhóm

người bảo vệ thôn Đ, xã Đ, huyện T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với mục đích để vận chuyển gỗ qua làng Đ. Việc giao nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện, nhóm người bảo vệ thôn Đ hoàn toàn không biết việc các bị cáo khai thác gỗ trái phép và cũng không ép buộc, đe dọa hay hứa hẹn gì đối với Lê Văn T trong việc vận chuyển gỗ qua làng. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý trách nhiệm đối với nhóm người này trong vụ án. Bị cáo Lê Văn T không có ý kiến gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đơn vị chủ rừng là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ đã có sự phân công lịch tuần tra giám sát, bảo vệ rừng. Các cán bộ được phân công đã trực tiếp đi tuần tra, giám sát thường xuyên. Tuy nhiên, vị trí cây gỗ bị cưa hạ nằm sâu trong rừng, địa hình chia cắt, hiểm trở, lực lượng tuần tra bảo vệ rừng mỏng. Vì vậy, không phát hiện ngăn chặn kịp thời. Tuy nhiên, sau khi cây gỗ bị cắt hạ đã được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và tịch thu được toàn bộ tang vật của vụ án. Vì vậy, không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trong đối với đơn vị chủ rừng và những cán bộ trực tiếp được phân công tuần tra bảo vệ rừng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Căn cứ Điểm b khoản 1 điều 232; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (13/9/2021).

- Căn cứ Điểm b khoản 1 điều 232; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/9/2021).

- Căn cứ Điểm b khoản 1 điều 232; Điểm s, t khoản 1 điều 51; Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo A K phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng

và lâm sản".

Xử phạt bị cáo A K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (28/12/2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 06 hộp gỗ có kích thước 2,4 x 0,8 x 0,15 có tổng khối lượng: 1,728m3; 11 hộp gỗ xẻ được đánh số từ H1/LN đến H11/LN có tổng khối lượng là: 2,084m3; 18 hộp gỗ xẻ được đánh số từ H12/LN đến H29/LN, có tổng khối lượng là: 2,867m3

01 xe ô tô tải nhãn hiệu Việt Trung, biển kiểm soát: 92C-057.37

- Tịch thu tiêu hủy: 01 xe gắn máy độ chế; 01 máy tời độ chế; 01 cưa máy không có lưỡi cưa.

Toàn bộ số gỗ, xe ô tô và vật chứng nêu trên có đặc điểm đúng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện T và Chi Cục thi hành án dân sự huyện T lập ngày 23/12/2021.

Trả lại số tiền các bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả, cụ thể: Trả lại bị cáo Lê Văn H số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); bị cáo A K 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng); bị cáo Lê Văn T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Theo ủy nhiệm chi ngày 13/12/2021 của cơ quan Công an huyện T, tỉnh Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum. Các bị cáo nhận lại số tiền nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum.

**** Về án phí:*** Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1, khoản 3 điều 21; điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1, khoản 3 điều 21; điểm a, c khoản 1 điều 23; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự

sơ thẩm cho bị cáo A K.

Các bị cáo; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (28/12/2021). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo
- Nguyên đơn dân sự;
- người có QLNVLQ;
- VKSND huyện T;
- VKS ND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum;
- CA huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Châu